TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 07-5-2024
"V/v ly hôn giữa
bà Như Ý và ông Nghĩa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

Bà Huỳnh Thị Thể Phượng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên Tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình – ly hôn*" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 2000.

Trú tại: số D, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1993.

Trú tại: Tổ F, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 19/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Ý trình bày:

Hôn nhân của ông N, bà Như Ý do tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình nên tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn bà Như Ý bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân. Trong thời gian ly thân ông N, bà Như Ý không qua lại hỏi thăm hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay yêu cầu được ly hôn với ông N.

-Về con chung: Không.

- Về quan hệ tài sản: Đã thoả thuận xong, không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về quan hệ nợ phải thu, phải trả: không.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày: Sau khi tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên ông N, bà Như Ý tổ chức lễ cưới năm 2021 theo nghi thức truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nay bà Như Ý yêu cầu ly hôn tôi N đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Không có.

-Về quan hệ tài sản: Đã thoả thuận xong, không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về quan hệ nợ phải thu, phải trả: không.

Ngày 15/4/2024 ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị Như Ý có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ :Theo công văn trả lời của Ủy ban nhân dân xã H về cung cấp thông tin đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị Như Ý. Qua kết quả tra cứu tàng thư hộ tịch lưu tại xã thì không tìm thấy sổ bộ, họ tên của ông N, bà Như Ý trường hợp trên chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân của bà Như Ý và ông N được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Ông N, bà Như Ý đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ giữa bà Như Ý và ông Nghĩa l vợ chồng.

Về con chung: Không; Về tài sản chung: đã thoả thuận xong, không yêu cầu Toà án giải quyết, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: bà Nguyễn Thị Như Ý khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Hữu N nên quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: ông N với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Như Ý, ông N đã được tống đạt đầy đủ quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông, bà không có mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông, bà theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông N và bà Như Ý chung sống vợ chồng năm 2021, không có đăng ký kết hôn. Ông N và bà Như Ý chung sống vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị Như Ý là vợ chồng.

[3] Về con chung: không.

[4] Về tài sản chung: Đã thoả thuận xong, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

Ông N, bà Như Ý trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[6] Về án phí: bà Như Ý phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 14; Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Như Ý và ông Nguyễn Hữu Nghĩa ll vợ chồng.

2.Về con chung: Không.

3.Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

4.Về nợ phải thu, phải trả chung: Không.

5.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Như Ý phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006640 ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Bà Như Ý không còn nộp thêm án phí.

Ông Nguyễn Hữu N không phải chịu án phí.

Bà Như Ý, ông N vắng mặt tại phiên tòa, thời kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày ông, bà nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo